

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Xuân Lợi và ông Trần Đình Huân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trình Thị T; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trình Thị T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân thì giữa chị và anh Đặng Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm, hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng. Đến đầu năm 2018 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên bài bạc, ham chơi không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau dẫn đến đã sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho

nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo chị T thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Yến N, sinh ngày 23/10/2016. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải anh Đặng Văn T trình bày:*  
Về quan hệ hôn nhân thì giữa anh và chị Trình Thị T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng. Trong cuộc sống hôn nhân có những mâu thuẫn, khúc mắc, bất đồng nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, quay lại tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc.

Về quan hệ con chung: Theo anh T thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Yến N, sinh ngày 23/10/2016. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày, vợ chồng cần có thời gian để bàn bạc, trao đổi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt không có lý do, không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị T; về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trình Thị T được ly hôn anh Đặng Văn T; về quan hệ con chung: giao con chung Đặng Yến N, sinh ngày 23/10/2016 cho chị Trình Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét; về án phí sơ thẩm: buộc chị Trình Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền

án phí chi T phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trình Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đặng Văn T và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập theo quy định của pháp luật, anh Đặng Văn T vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đặng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trình Thị T và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/01/2016, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẻ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị T và anh T đã không thực hiện được. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, do anh T thường xuyên bài bạc, ham chơi, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên không tìm được hướng đi chung vì vậy đã sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn.

Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi chị T xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh T, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh T được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn.

Đối với anh T, mặc dù giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt, căng thẳng nhưng theo anh là chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn và vì thương con, vì gia đình nên anh không muốn ly hôn mà mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh T cũng không có phương án, biện pháp khắc phục, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và yêu cầu, đề nghị của anh cũng không được chị T đồng ý. Anh T chỉ có mặt tại Tòa án 01 lần, đã trình bày ý kiến, quan điểm nhưng không ký vào biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải mà tự ý bỏ về. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần và mặc dù đang làm ăn, sinh sống, có mặt tại địa phương, biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nhưng anh T đã vắng mặt, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện việc anh T không hề quan tâm, lo lắng gì đến vợ con và gia đình, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Trình Thị T cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trình Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Trình Thị T được ly hôn anh Đặng Văn T.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Trình Thị T và anh Đặng Văn T có một con chung Đặng Yên N, sinh ngày 23/10/2016. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T có nguyện vọng mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng vì con chung còn nhỏ, do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ và hiện vẫn do chị trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học.

Xét điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đặng Yên N cho chị Trình Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị T thì vợ chồng tự thỏa thuận, tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Trình Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trình Thị T được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Đặng Yến N, sinh ngày 23/10/2016 cho chị Trình Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị T không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trình Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị T phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0007434, ngày 05/10/2020.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**